

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/DS-ST

Ngày: 09/4/2018

V/v: “ Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiệp

2. Bà Lâm Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Đăng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Mã Quế Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 04 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST-DS, ngày 30 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-DS, ngày 21/3/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Tiểu M, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện M, tỉnh S.

- Bi đơn: 1/ Bà Trần Ngọc Đ, sinh năm 1967 (vắng mặt)

2/ Ông Trần Văn H, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ số 408 Ấp C, xã N, huyện M, tỉnh S.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn H là bà Trần Ngọc Đ (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/3/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2018, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tiểu M trình bày:*

Vào ngày 01/03/2016AL bà Đ là chủ hụi, bà M là hụi viên, bà M có tham gia chơi hụi của bà Đ một dây hụi, hụi 2.000.000đ, nửa tháng khui 01 lần, có 21 phần, bà M vô 02 phần, bà đóng được 11 lần bằng số vốn là 32.600.000đ thì bà Đ bỏ đi khỏi địa phương, sau đó bà Đ trở về và bà M đã khởi kiện bà Đ ra tòa án thì bà Đ thừa nhận nợ và xin trả cho bà M số tiền 35.000.000đ, vợ chồng bà Đ có làm tờ cam kết cho bà Muội và xin trả góp mỗi ngày 30.000đ, bà M cũng đồng ý và đã rút đơn khởi kiện. Sau khi bà M rút đơn kiện thì bà Đ có thanh toán thêm cho bà M nhiều lần số tiền tổng cộng là 3.150.000đ, số còn lại 31.850.000đ không thanh toán và kéo dài tới nay. Nay bà M yêu cầu toà án giải quyết buộc vợ chồng bà Đ và ông H hoàn trả cho bà Muội số tiền còn nợ là 31.850.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà M thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Đ và ông H phải trả số tiền vốn là 28.450.000đ.

- Đối với bị đơn bà Trần Ngọc Đ và ông Trần Văn H thì sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các bị đơn nhưng các bị đơn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án biết, ngoài ra bà Đ có đơn xin yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Trần Ngọc Đ theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung*: Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền hui còn nợ là 28.450.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu buộc vợ chồng bà Đ và ông H hoàn trả cho bà M số tiền còn nợ là 28.450.000đ.

[2] Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Vào ngày 01/03/2016AL giữa bà M và bà Đ có hợp đồng góp hui với nhau, bà Đ là chủ hui còn bà M là hui viên, bà M có tham gia chơi hui của bà Đ 02 chân hui, loại hui 2.000.000đ, nửa tháng khui 01 lần, có 21 phần, bà M vô 02 phần, bà M đã đóng được 11 lần bằng số vốn là 32.600.000đ thì bà Đ bỏ đi khỏi địa phương, sau đó bà Đ trở về và bà M đã khởi kiện bà Đ ra tòa án thì bà Đ thừa nhận nợ và xin trả cho bà M số tiền 35.000.000đ, vợ chồng bà Đ có làm tờ cam kết cho bà M và xin trả góp mỗi ngày 30.000đ, bà M cũng đồng ý và đã rút đơn khởi kiện. Sau khi bà M rút đơn kiện thì bà Đ có thanh toán thêm cho bà M nhiều lần số tiền tổng cộng là 3.150.000đ, ngoài ra trước khi khởi kiện bà Đ có trả được 1.000.000đ, như vậy bà Đ trả nhiều lần cho bà M tổng cộng được số tiền là 4.150.000đ, nay bà M chỉ yêu cầu ông H bà Đ trả số tiền vốn còn lại là 28.450.000đ.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Phía nguyên đơn khởi kiện có cung cấp cho Tòa án chứng cứ là tờ cam kết trả nợ, nội dung của tờ cam kết là vợ chồng ông Trần Văn H và bà Trần Ngọc Đ thống nhất hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Tiểu M số tiền là 35.000.000đ, phương thức trả mỗi ngày là 30.000đ cho đến khi dứt nợ, tờ cam kết có chữ ký của các bị đơn và nguyên đơn. Ngoài ra sau khi thụ lý Tòa án cũng đã tổng đạt biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho các bị đơn nhưng bị đơn cũng không có ý kiến gì đối với chứng cứ là tờ cam kết nêu trên. Từ đó Hội đồng xét xử đã có căn cứ để xác định việc các bị đơn và nguyên đơn có hợp đồng góp hui với nhau và hiện các bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 31.850.000đ là có thật, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền vốn là 28.450.000đ do đó việc bà M khởi kiện bà Đ và ông H yêu cầu hoàn trả số tiền nợ hui nêu trên là có cơ sở.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 29 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 quy định Hui, họ, biêu, phường quy định về trách nhiệm của chủ họ do không giao các phần họ cho thành viên được lĩnh họ thì: “ Trong

trường hợp chủ hộ đã thu các phần hộ của các thành viên nhưng không giao cho thành viên được lĩnh hộ thì theo yêu cầu của thành viên có quyền lĩnh hộ, chủ hộ phải giao các phần hộ đã thu được cho thành viên đó và bồi thường thiệt hại nếu có. Như vậy bà Đ và ông H đã vi phạm nghĩa vụ giao tiền hộ cho bà Muội theo như phương thức hợp đồng góp hộ mà các bên đã giao kết, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M. Do đó Hội đồng xét xử cần xử buộc bị đơn bà Trần Ngọc Đ và ông Trần Văn H phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tiểu M số tiền còn nợ là 28.450.000 đồng là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 1.422.500đ, nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là xử buộc các bị đơn phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 28.450.000đ, ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; ; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tiểu Muội.

1/. Xử buộc bị đơn bà Trần Ngọc Đ và ông Trần Văn H phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tiểu M số tiền là 28.450.000đ (*Hai mươi tám triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi bà M có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Đ và ông H còn phải trả lãi cho bà M theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

2/Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tiểu M không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 796.000đ (*Bảy trăm chín mươi sáu ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0008969, ngày 30/01/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn bà Trần Ngọc Đ và ông Trần Văn H phải chịu là 1.422.500đ, (*Một triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn Đ và H thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để xin Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải

